TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:17/2017/HNGĐ- ST
Ngày 30/8/2017.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Thu – Chủ tịch Hội phụ nữ xã Đại Đồng.
  2. Ông Nguyễn Đăng Luân.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Loan – Kiểm sát viên

Ngày 30/8/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXX-ST ngày 07/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986(có mặt)
Sinh quán: Thôn Ng, xã Tr, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh.
Địa chỉ: thôn L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.
Bị đơn: Anh Nguyễn Sách T, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 5 năm 2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày như sau:

Chị M kết hôn với anh T vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn L, thị trấn L. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên đánh bạc, không chịu tu chí làm ăn, vợ chồng không hợp nhau, không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không có biện pháp để đoàn tụ. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Sách Th, sinh ngày 09/9/2008 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/02/2012. Hiện tại chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, anh Tồn đang trực tiếp nuôi cháu Th. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu B anh Tồn trực tiếp nuôi cháu Th. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ngoài nội dung trên chị M không trình bày, yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do đương sự yêu cầu, nhưng hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo anh T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình. Tòa án tiến hành làm việc, lấy lời khai của anh T và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ nhưng anh T vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh T và không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án đã xác định về thời điểm kết hôn và quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung, công nợ giữa chị M và anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Ngoài ra, chị M không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm về việc chấp hành và tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo các quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Toà án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử vào hồi 8 giờ 00’ ngày 24/8/2017, Toà án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên toà cho các đương sự nhưng bị đơn là anh T vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà theo quyết định số 10/2017/QĐ-HPT ngày 24/8/2017. Phiên toà được mở lại vào hồi 7giờ30’ ngày 30/8/2017, các đương sự đã nhận được quyết định hoãn phiên toà và nguyên đơn là chị M có mặt tại phiên toà, bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T.

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Sách T có địa chỉ: thôn L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M kết hôn cùng anh Nguyễn Sách T vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện T. Việc kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện do luật định nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Chị M xin ly hôn, anh T không có văn bản ghi ý kiến của mình cũng như Tòa án tiến hành các biện pháp theo quy định của pháp luật đều không thể hiện được ý chí của anh T. Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu do chị M cung cấp cũng như Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ có thể xác định tình trạng hôn nhân giữa chị M anh T thấy cuộc sống chung giữa họ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn trong cuộc sống giữa vợ chồng. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này chỉ tồn tại về mặt hình thức, vi phạm các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Từ những căn cứ trên, xét thấy đơn xin ly hôn của chị M là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Sách Th, sinh ngày 09/9/2008 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/02/2012. Hiện tại chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, anh T đang trực tiếp nuôi cháu Th. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu B anh T trực tiếp nuôi cháu Th. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết. Sau khi xem xét yêu cầu của chị M Hội đồng xét xử thấy chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, anh T đang trực tiếp nuôi cháu Th, các cháu đang sinh sống, học tập ổn định. Hơn nữa, khi được hỏi nguyện vọng của các cháu sau khi chị M anh T ly hôn thì cháu Th đề nghị được tiếp tục sống với anh T. Ngoài ra, các bên đều có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng các cháu. Do vậy để tránh xáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao cháu Th cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 147, 203, 220, 227, 228 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Sách T.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Sách Th, sinh ngày 09/9/2008 cho anh Nguyễn Sách T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/02/2012 chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không dặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2012/0000046 ngày 13/6/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh*
- *VKSND huyện Tiên Du*
- *Chi cục THADS huyện Tiên Du.*
- *UBND TT Lim*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng*